TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172/**2019/HNGĐ- ST
Ngày 08/7/2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh
2. Bà Ma Thị Thu Loan

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28/5/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19/6/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Th, sinh năm 1983.

* *Bị đơn:* anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(chị Th có mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2002 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã V, huyện S theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã V. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2017 đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về tiền bạc, lối sống, anh Đ hay nghe bạn bè xúi giục

dẫn đến ghen tuông vô cớ, từ đó thường xuyên đánh đập chị. Từ năm 2018 mặc dù anh chị sống cùng nhà nhưng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Hoàng Văn D - sinh ngày 21/4/2004 và cháu Hoàng Mai H - sinh ngày 08/10/2010. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng anh chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị và anh Đ tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 05/4/2019, bị đơn là anh Hoàng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, từ năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bạn bè xúi giục. Nay chị Th làm đơn ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì anh xác định chỉ là mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức ly hôn.

Về con chung như chị Th trình bày là đúng: nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cả cháu Hoàng Văn D và cháu Hoàng Mai H. Không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản đất đai, công nợ chung: anh và chị Th tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản cho anh Đ, anh Đ không hợp tác để Tòa án tiến hành lấy lời khai làm rõ các nội dung mà anh Đ khai chưa đầy đủ như về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về điều kiện nuôi con, về công nợ chung... Do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh Đ.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn D phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th, xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ. Giao cháu Hoàng Văn D - sinh ngày 21/4/2004 và cháu Hoàng Mai H - sinh ngày 08/10/2010 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Th và anh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã V, huyện S. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Th, HĐXX nhận định: lời khai của anh Đ và chị Th đều thể hiện đời sống vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về kinh tế, nuôi dạy con cái, anh Đ nghe bạn bè xúi giục dẫn đến ghen tuông đánh đập chị Th nhiều lần. Việc anh Đ đánh đập chị Th được ông Trần Văn T (bố đẻ chị Th chứng kiến), chị Th cũng đã nhiều lần báo chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Gia đình anh Đ và chị Th cũng đã hòa giải khuyên ngăn nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn ngày càng trầm trọng. Bản thân chị Th xác định từ năm 2018 đến nay mặc dù anh chị ở cùng nhà, nhưng thực tế không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, chị không còn tình cảm với anh Đ và không thể tiếp tục chung sống được. Từ những căn cứ trên xác định anh Đ đã vi phạm, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, từ đó dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: anh Đ và chị Th đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét hoàn cảnh thực tế thấy cả cháu Hoàng Văn D và cháu Hoàng Mai H hiện đang ở cùng nhà với anh Đ và chị Th, tuy nhiên anh Đ thường xuyên vắng nhà, công việc sửa xe bấp bênh, thu nhập không ổn định. Theo kết quả xác minh thì người trực tiếp nuôi dạy chăm sóc hàng ngày cho cả hai cháu hiện nay chủ yếu do một mình chị Th đảm nhận. Bản thân chị Th có chỗ ở ổn định, làm lao động tự do, ngoài ra kinh doanh bán thêm hàng tạp hóa, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/ 1 tháng. Cháu Hoàng

Văn D và cháu Hoàng Mai H đều trên 07 tuổi, có ý kiến được sống cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Tham vấn ý kiến cơ quan quản lý bảo vệ trẻ em ở địa pH có quan điểm nên giao cả hai cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Từ những căn cứ trên, xét cần giao cả cháu D và cháu H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị Th và anh Đ đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: chị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đ không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Hoàng Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Th được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Văn D - sinh ngày 21/4/2004 và cháu Hoàng Mai H - sinh ngày 08/10/2010 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0000838 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Quang. Anh Hoàng Văn Đ không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/7/2019), vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Vượng - Ma Thị Thu Loan **Nguyễn Văn Toàn**